

Số: 3163/QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 4)
Dự án đầu tư công trình Hạ tầng thủy lợi phục vụ thâm canh lúa,
tỉnh Thanh Hóa**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 1068/QĐ-BNN-TCTL ngày 31/3/2016 về phê duyệt dự án đầu tư; số 2202/QĐ-BNN-TCTL ngày 31/5/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa tại tờ trình số 117/TTr-SNN&PTNT ngày 07/6/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 4) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thủy lợi phục vụ thâm canh lúa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 196/BC-TCTL-XDCB ngày 05 / 8 /2019 của Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng Công trình hạ tầng thủy lợi phục vụ thâm canh lúa, tỉnh Thanh Hóa với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu và nhiệm vụ của dự án: Xây dựng hệ thống thủy lợi tạo nguồn cung cấp nước tưới ổn định phục vụ thâm canh 480 ha mía thuộc địa bàn các xã: xã Công Liêm (huyện Nông Cống) và xã Lương Sơn (huyện Thường Xuân), các xã Thanh Tân, Hải Long, Yên Lạc (huyện Như Thanh); làm cơ sở từng bước áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước; góp phần xóa đói giảm nghèo nâng cao đời sống của người dân trong vùng.

2. Hạng mục công trình bổ sung: Đầu tư xây dựng công trình tưới mía tại xã Yên Lạc, huyện Như Thanh với giải pháp kỹ thuật sau:

a) Trạm bơm điện cấp nước: Lấy nước từ hồ Khe Tre tưới cho 80ha mía.

- Cấp công trình: IV.

- Mức bảo đảm tưới: $P = 85\%$.

- Quy mô, thông số chính trạm bơm:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	TB xã Yên Lạc
1	Loại máy bơm		Ly tâm
2	Số tổ máy	máy	02
3	Lưu lượng nhà trạm	m ³ /h	2x150
4	Mực nước TK bể hút	m	+22,6
5	Mực nước TK bể xả	m	+76,0
6	Công suất động cơ	KW	45
7	Cao trình sàn nhà máy	m	+26,2

- Nhà trạm bơm: kết cấu bằng khung cột BTCT M250, tường xây gạch VMX M75; mái bằng BTCT M250, lợp tôn chống nóng.

- Hệ thống điện: Xây dựng trạm biến áp công suất 160KVA-22/0,4KV; đường dây 22KV dài L=1.705m.

b) Bể chứa: Xây dựng 2 bể chứa dung tích 300m³, kết cấu BTCT M250

c) Hệ thống đường ống cấp nước:

- Đường ống dẫn từ trạm bơm đến 02 bể chứa: ống thép $\Phi 280\text{mm}$, dài L=470m.

- Đường ống dẫn cấp I: ống HDPE PN6, đường kính ống $\Phi = (225,280,315)\text{mm}$, tổng chiều dài L=4.190m.

- Đường ống dẫn cấp II: ống HDPE PN6, đường kính ống $\Phi = 180$ mm, tổng chiều dài $L=3.500$ m.

3. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh là: 91.540.900.000 đồng

(Chín mươi một tỷ, năm trăm bốn mươi triệu, chín trăm nghìn đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	68.355.872.000 đ
+ Chi phí thiết bị:	4.312.246.000 đ
+ Chi phí quản lý dự án:	1.197.540.000 đ
+ Chi phí tư vấn ĐTXD:	7.912.251.000 đ
+ Chi phí khác:	5.685.259.000 đ
+ Chi phí bồi thường GPMB:	2.740.083.000 đ
+ Chi phí dự phòng:	1.337.649.000 đ

(Chi tiết xem phụ lục I kèm theo)

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý là: 80.000.000.000 đ.

- Nguồn vốn địa phương và người hưởng lợi đầu tư đường ống cấp III tạo nguồn cho các khu nội đồng: 11.540.900.000 đ.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 4) Dự án đầu tư xây dựng Công trình hạ tầng thủy lợi phục vụ thâm canh lúa, tỉnh Thanh Hoá với nội dung chi tiết tại phụ lục số II kèm theo. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm phê duyệt dự toán các gói thầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức huy động vốn địa phương và người hưởng lợi xây dựng hệ thống đường ống cấp 3, lập và phê duyệt phương án quản lý vận hành hệ thống để dự án phát huy hiệu quả.

Điều 4. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Khoản 3 Điều 1 và thay thế các Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 tại Quyết định số 2202/QĐ-BNN-TCTL ngày 31/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Công trình hạ tầng thủy lợi phục vụ thâm canh lúa, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Kho bạc NN tỉnh Thanh Hóa;
- Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL. (15b)



KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THỦY LỢI PHỤC VỤ THÂM CANH MÍA,
TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-BNN-TCTL ngày 15 tháng 8 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: 1.000 VNĐ

TT	Hạng mục công việc	Tổng mức đầu tư	Tổng kinh phí vốn Nhà nước	Tổng kinh phí vốn NS địa phương
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	68.355.872	56.814.972	11.540.900
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	4.312.246	4.312.246	
-	Máy bơm	2.341.260	2.341.260	
-	Máy biến áp	1.970.986	1.970.986	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.197.540	1.197.540	
-	Chi phí quản lý dự án công trình	1.197.540	1.197.540	
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	7.912.251	7.912.251	
1	Giai đoạn lập dự án đầu tư:	1.609.219	1.609.219	
-	Chi phí khảo sát	740.132	740.132	
-	Chi phí Lập dự án đầu tư, mua bản đồ, tài liệu, biên tập bản đồ, tài liệu	391.043	391.043	
-	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	381.865	381.865	
-	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư	40.266	40.266	
-	Chi phí thẩm tra thiết kế cơ sở	55.913	55.913	
2	Giai đoạn thực hiện dự án:	6.603.032	6.603.032	
-	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất phục vụ TK Bản vẽ thi công	2.972.417	2.972.417	
-	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	1.265.382	1.265.382	
-	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	51.631	51.631	
-	Chi phí thẩm tra dự toán	48.942	48.942	
-	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói TVKS, lập BVTC-DT	7.169	7.169	
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HS dự thầu thi công xây dựng + thiết bị, giám sát, kiểm toán	145.250	145.250	
-	Chi phí thẩm định HSMT	31.824	31.824	

24

-	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	31.824	31.824	
-	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu.	11.800	11.800	
-	Chi phí giám sát thi công xây dựng - thiết bị	1.168.289	1.168.289	
	Chi phí giám sát khảo sát	72.237	72.237	
-	Giám sát môi trường	45.938	45.938	
-	Tổ chức tổng kết đánh giá mô hình mẫu. lập Quy trình quản lý vận hành	450.329	450.329	
V	CHI PHÍ KHÁC	5.685.259	5.685.259	
-	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công (tạm tính)	150.000	150.000	
-	Bảo hiểm công trình	374.066	374.066	
-	Thẩm tra. phê duyệt quyết toán	166.000	166.000	
-	Kiểm toán	516.000	516.000	
-	Chi phí Thẩm định dự án đầu tư xây dựng	16.205	16.205	
-	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	38.101	38.101	
-	Phí thẩm định dự toán	38.626	38.626	
-	Chi phí hạng mục chung	1.690.322	1.690.322	
-	Chi phí thẩm định giá thiết bị	111.731	111.731	
-	Chi phí rà phá bom mìn	2.084.208	2.084.208	
-	Chi phí khác	500.000	500.000	
VI	CHI PHÍ ĐÈN BÙ GPMB	2.740.083	2.740.083	
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.337.649	1.337.649	
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	91.540.900	80.000.000	11.540.900

(Chín mươi một tỷ, năm trăm bốn mươi triệu, chín trăm nghìn đồng)

Phụ lục II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (ĐỢT 4)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THỦY LỢI PHỤC VỤ THÂM CANH MÍA, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-BNN-TCTL ngày 15/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 17: Kiểm toán công trình	516.000	Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, 2 túi hồ sơ	Quý I/2020	Trọn gói	01 tháng
2	Gói thầu số 18: Thi công xây dựng công trình xã Yên Lạc (Xây lắp+bảo hiểm) (tạm tính)	14.945.057		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý III-IV/2019	Trọn gói	08 tháng
3	Gói thầu số 19: Giám sát thi công xây dựng công trình xã Yên Lạc.	354.549		Tự thực hiện		Quý III-IV/2019	Trọn gói	08 tháng
4	Gói thầu số 20: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 18.	43.051		Tự thực hiện		Quý III-IV/2019	Trọn gói	01 tháng
5	Gói thầu số 21: Lập phương án và thi công rà phá bom mìn hạng mục xã Yên Lạc.	300.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2019	Trọn gói	01 tháng

Ghi chú: Giá gói thầu số 18 bao gồm chi phí xây dựng, chi phí hạng mục chung, 5% chi phí dự phòng và chi phí bảo hiểm 24